|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****BẮC NINH****¯¯¯¯¯¯¯¯¯** | **CHUYÊN ĐỀ ÔN TẬP****KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023****Môn: GDCD****¯¯¯¯¯¯¯¯** |

 **CHUYÊN ĐỀ SỐ 1**

 **TÊN CHUYÊN ĐỀ: CÔNG DÂN VỚI KINH TẾ**

 **(BÀI 1,2,3,4,5 GDCD 11)**

**Người thẩm định: Đinh Thị Nhã**

**Đơn vị : THPT Trần Hưng Đạo**

**Số đt: 0375337552**

**PHẦN I: KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**BÀI 1: SẢN XUẤT CỦA CẢI VẬT CHẤT**

**1.Sản xuất của cải vật chất**

***a.Thế nào là sản xuất của cải vật chất***

Khái niệm: Sx của cải v/c là sự tác động của con người vào tự nhiên, biến đổi các yếu tố của tự nhiên để tạo ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của mình.

***b.Vai trò của sản xuất của cải vật chất:***

- SX của cải vật chất là cơ sở tồn tại của xã hội.

- SX của cải vật chất quyết định mọi hoạt động của xã hội.

Kết luận: Sản xuất vật chất giữ vai trò là cơ sở của sự tồn tại và p.triển của XH, xét đến cùng nó quyết định toàn bộ sự vận động của đ/s XH.

**2.Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất của cải vật chất**

***a. Sức lao động***

- Sức lao động = thể lực + trí lực

- Sức lao động là toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần của con người được vận dụng vào trong quá trình sản xuất.

\* Lao động: là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người làm biên sđổi những yếu tố của tự nhiên cho phù hợp với nhu cầu của con người.

***b. Đối tượng lao động***

- Là những yếu tố của tự nhiên mà lao động của con người tác động vào nhằm biến đổi nó cho phù hợp với mục đích của con người.

- Đối tượng lao động:

+ Loại có sẵn

+ Loại trải qua tác động của lao động được cải biến ít nhiều.

***c. Tư liệu lao động***

- Là một vật hay hệ thông những vật làm nhiệm vụ truyền dẫn sự tác động của con người lên đối tượng lao động, nhằm biến đổi đối tượng lao động thành sản phẩm thỏa mãn nhu cầu của con người.

- Có 3 loại:

+ Công cụ lao động

+ Hệ thống bình chứa sản xuất

+ Kết cấu hạ tầng sản xuất

**3. Phát triển kinh tế và ý nghĩa phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình, xã hội**

***a. Phát triển kinh tế***

- Khái niệm: Là sự tăng trưởng KT gắn với cơ cấu KT hợp lý, tiến bộ và công bằng XH.

- Tăng trưởng kinh tế:

+ Là sự gia tăng về số lượng, chất lượng sản phẩm và các yếu tố của quá trình sx ra nó trong 1 thời kỳ nhất định.

+ Quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế là căn cứ quan trọng để xác định sự p.triển kinh tế.

+ Liên hệ: Tăng trưởng KT khá cao nhưng tham ô, lãng phí nhiều, đầu tư kg đúng mục đích, DS tăng, chuyển dịch chậm...

- Công bằng XH:

+ Tạo điều kiện cho mọi ng co quyền bình đẳng trong đóng góp và hưởng thụ.

+ Phù hợp với sự p.triển toàn diện của con ng và XH.

+ Bảo vệ môi trường sinh thái.

+ Thu nhập thực tế tăng, chất lượng VH- GD- YT- MT đảm bảo.

***b. Ý nghĩa phát triển kinh tế***

- Đối với cá nhân: Tạo điều kiện cho mỗi ng có việc làm, thu nhập ổn định, cuộc sống ấm no, có điều kiện chăm sóc sức khỏe, tăng tuổi thọ...

- Đối với gia đình: Là tiền đề, là cơ sở để các gia đình thực hiện tốt các chức năng của gia đình.

- Đối với XH:

+ Tăng thu nhập quốc dân, phúc lợi XH, chất lượng cuộc sống.

+ Giảm tỉ lệ thất nghiệp và tệ nạn XH, giải quyết việc làm cho người lao động.

+ Là tiền đề p.triển văn hóa- giáo dục- y tế và các lĩnh vực khác của XH, ổn định KT-CT-XH.

+ Củng cố an ninh quốc phòng, giữ vững chế độ chính trị, tăng cường sự quản lý của NN và sự lãnh đạo của Đảng.

+ Là điều kiện để khắc phục sự tụt hậu XH về KT so với các nước tiên tiến trên thế giới,

**Bài 2: HÀNG HÓA – TIỀN TỆ - THỊ TRƯỜNG**

**1) Hàng hoá:**

a) Hàng hoá là gì ?

 Là sản phẩm của quá trình lao động nhằm thoả mãn nhu cầu nào đó của con người, được đưa vào tiêu dùng thông qua trao đổi – mua bán.

b) Thuộc tính của hàng hoá:

- Giá trị sử dụng:

**-** Giá trị của hàng hoá:

\* Kết luận: Hàng hoá là sự thống nhất của 2 thuộc tính giá trị sử dụng và giá trị. Đó là sự thống nhất của 2 mặt đối lập mà thiếu 1 trong 2 thuộc tính thì SP không trở thành hàng hoá. Hàng hoá biểu hiện quan hệ SXXH giữa những ng­ười SX và trao đổi hàng hoá. cơ sở cho giá trị trao đổi gọi là giá trị.

**2) Tiền tệ:**

***a Nguồn gốc và bản chất của tiền tệ:***

\* Nguồn gốc: Tiền tệ xuất hiện là kết quả của quá trình phát triển lâu dài của sản xuất, trao đổi hàng hoá và các hình thái giá trị.

\* Bản chất của tiền tệ:

+Tiền tệ là hàng hoá đặc biệt đ­ợc tách ra làm vật ngang giá chung cho tất cả hàng hoá, là sự biểu hiện chung của giá trị.

+ Tiền tệ biểu hiện mối quan hệ sản xuất giửừa nhửừng ngửụứi SX haứng hoaự.

**b) Các chức năng của tiền tệ:**

- Thư­ớc đo giá trị:

- Ph­ương tiện l­ưu thông:

- Ph­ương tiện cất trữ:

- Ph­ương tiện thanh toán:

- Tiền tệ thế giới:

3**) Thị trư­ờng:**

**a) Thị tr­ường là gì ?** Thị tr­ờng là lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số l­ợng hàng hoá, dịch vụ.

**b) Các chức năng cơ bản của thị tr­ường:**

- Chức năng thực hiện (hay thừa nhận) giá trị sử dụng và giá trị.

- Chức năng thông tin:

- Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng:

**BÀI 3:**

**QUY LUẬT GIÁ TRỊ TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA**

**1. Nội dung quy luật giá trị**

\* Nội dung: Sản xuất và lưu thông hàng hoá phải dựa trên cơ sở thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hoá

\* Biểu hiệncủa nội dung trên: Trong sản xuất và lưu thông hàng hoá

 -Trong s¶n xut:

Quy lut gi¸ trÞ yªu cÇu ng­i s¶n xut ph¶i ®¶m b¶o sao cho thi gian lao ®ng c¸ biƯt ®Ĩ s¶n xut tng lo¹i hµng ho¸ hay toµn b hµng ho¸ ph¶i ph hỵp víi thi gian lao ®«ng XH cÇn thit

- Trong lưu thông:

\*Đối với 1 hàng hoá:Giá cả hh bao giờ cũng vận động xoay quanh trục giá trị hh hay xoay quanh trục tglđ xh cần thiết

\* Đối với tổng hàng hoá và trên phạm vi toàn xã hội QLGT yêu cầu

**2. Tác động của quy luật giá trị**

**a. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa**

Là sự phân phối lại các yếu tố tư liệu sản xuất và sức lao động từ ngành sản xuất này sang ngành sản xuất khác theo hướng từ nơi có lãi ít hoặc không lãi sang nơi lãi nhiều thông qua biến động.

**b. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển và năng suất lao động tăng lên.**

Người sản xuất, kinh doanh muốn thu nhiều lợi nhuận  phải tìm cách cải tiến kĩ thuật, tăng năng suất lao động, nâng cao tay ngề  của người lao động, hợp lí hóa sản xuất, thực hành tiết kiệm…làm cho giá trị hàng hóa cá biệt của họ thấp hơn giá trị xã hội của hàng hóa.

**c. Phân hóa giàu – nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa**

Những người có điều kiện sản xuất thuận lợi , có trình độ, kiến thức cao, trang bị kĩ thuật tốt nên có hao phí lao động cá biệt thấp hơn hao phí lao động xã hội cần thiết. Nhờ đó giàu lên nhanh chóng, có điều kiện mua sắm thêm tư liệu sản xuất, đổi mới kĩ thuật, mở rộng sản xuất kinh doanh.

Những người không có điều kiện thuận lợi làm ăn kém cỏi gặp rủi ro trong kinh doanh nên bị thua lỗ dẫn tới phá sản trở thành nghèo khó.

**BÀI 4: CẠNH TRANH TRONG SẢN XUẤTVÀ LƯU THÔNG HÀNG HOÁ**

**1) C¹nh tranh vµ nguyªn nh©n dÉn ®Õn c¹nh tranh.**

***a) KN cạnh tranh***

 là sự ganh đua về KT giữa những chủ thể trong nền SX H2 nhằm giành giật những ĐK thuận lợi trong SX, tiêu thụ hoặc tiêu thụ H2.

***b. Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.***

- Sự tồn tại của nhiều chủ sở hữu với tư cách là đơn vị kinh tế độc lập.

- Điều kiện sản xuất và lợi ích khác nhau

***2. Mục đích của cạnh tranh.***

+ Giành nguyên liệu và các nguồn lực khác

+ Giành ưu thế về KHCN

+ Giành thị trường, nơi đầu tư...

+ Giành ưu thế về chất lượng, giá cả, bảo hành...

**3. Tính hai mặt của cạnh tranh.**

***a. Mặt tích cực của cạnh tranh.***

- Kích thích LLSX, KHCN, NSLĐ

- Khai thác tốt các nguồn lực

- Thúc đẩy tăng trưởng KT

***b. Mặt hạn chế của cạnh tranh.***

- Làm cho môi trường suy thoái và mất cân bằng nghiêm trọng

- Sử dụng thủ đoạn phi pháp, bất lương

- Gây rối loạn thị trường

**CHỦ ĐỀ 5: CUNG - CẦU TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HOÁ**

**1. Khái niệm cung, cầu:**

**a. Cầu**: là khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời nhất định kì tương ứng với giá cả và thu nhập xác định.

**b. Cung:**là khối lượng hàng hóa, dịch vụ có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kì nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất.

**2. Mối quan hệ cung – cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hoá:**

**Nội dung của quan hệ cung – cầu**

- Là mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa người bán với người mua hay giữa người sản xuất với những người tiêu dùng diễn ra trên thị trường để xác định giá cả và số lượng hàng hoá, dịch vụ.

**Biểu hiện của quan hệ cung – cầu:**

**\* Cung – cầu tác động lẫn nhau**

- Cầu tăng , sản xuất mở rộng làm cho cung tăng và ngược lại

**\* Cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả**

- Cung > cầu: giá giảm

- Cung < cầu: giá tăng

**\* Giá cả trên thị trường ảnh hưởng đến cung – cầu**

- Cung: Giá tăng thì cung tăng và ngược lại

- Cầu: Giá giảm thì cầu tăng và ngược lại

**3. Vận dụng quan hệ cung – cầu:**

\* Đối với Nhà nước: Điều tiết cung – cầu thông qua chính sách, pháp luật

\* Đối với người sản xuất, kinh doanh:

- Khi cung > cầu: thu hẹp sản xuất, kinh doanh

- Khi cung < cầu: mở rông sản xuất, kinh doanh

\* Đối với người tiêu dùng:

- Khi giá cao, cung > cầu, giảm việc mua và ngược lại.

**PHẦN 2: CÂU HỎI LUYỆN TẬP**

**MỨC ĐỘ: NHẬN BIẾT (40%) VÀ THÔNG HIỂU (30%)**

**Câu 1:**Toàn bộ năng lực thể chất và tinh thần của con người được vận dụng vào quá trình sản xuất là

**A.** lao động.       **B.** người lao động.

**C**. sức lao động.    **D.** tư liệu lao động.

**Câu 2:**Hệ thống những vật làm nhiệm vụ truyền dẫn sự tác động của con người lên đối tượng lao động là

A. người lao động. B. tư liệu lao động.

C. tư liệu sản xuất. D. nguyên liệu.

**Câu 3:** Khẳng định nào dưới đây **không** đúng về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế?

**A.** Tăng trưởng kinh tế tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển kinh tế.

**B.** Muốn phát triển kinh tế phải tăng trưởng kinh tế.

**C.** Có thể có tăng trưởng kinh tế nhưng không có phát triển kinh tế.

**D.** Tăng trưởng kinh tế không có vai trò gì đối với sự phát triển kinh tế.

**Câu 4:** Sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với cơ cấu kinh tế hợp lý, tiến bộ và công bằng xã hội là

 **A.** phát triển xã hội. **B.** phát triển kinh tế.

 **C.** phát triển bền vững. **D.** tăng trưởng kinh tế.

**Câu 5:** Sự tác động của con người vào tự nhiên biến đổi các yếu tố tự nhiên để tạo ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của mình gọi là

 **A.** quá trình sản xuất. **B.** sản xuất kinh tế

 **C.** sản xuất của cải vật chất. **D.** thỏa mãn nhu cầu.

**Câu 6:** Sản phẩm của lao động, có thể thảo mãn một nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi, mua bán, là nội dung của khái niệm

 **A.** tiền tệ. **B.** hàng hóa. **C.** lao động. **D.** thị trường.

**Câu 7:** Trong sản xuất hàng hóa, công dụng của sản phẩm làm cho hàng hoá có

 **A.** giá trị trên thị trường. **B.** giá trị sử dụng.

 **C.** giá trị. **D.** giá trị trao đổi.

**Câu 8:** Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, lao động xã hội của người sản xuất hàng hoá kết tinh trong hàng hoá được gọi là

 **A.** giá trị của hàng hoá. **B.** thời gian lao động xã hội cần thiết.

 **C.** thời gian lao động cá biệt. **D.** tính có ích của hàng hoá.

**Câu 9:** Khi trao đổi hàng hoá vượt ra khỏi biên giới quốc gia thì tiền tệ làm chức năng

 **A.** phương tiện thanh toán. **B.** tiền tệ thế giới.

 **C.** giao dịch quốc tế. **D.** phương tiện lưu thông.

**Câu 10:** Tiền được dùng để chi trả sau khi giao dịch, mua bán. Khi đó tiền thực hiện chức năng nào dưới đây?

**A.** Phương tiện thanh toán **B.** Phương tiện cất trữ

**C.** Thước đo giá trị **D.** Phương tiện lưu thông

**Câu 11:** Tiền tệ thực hiện chức năng thước đo giá trị khi

**A.** tiền dùng để chi trả sau khi giao dịch mua bán.

**B.** tiền dùng để đo lường và biểu hiện giá trị của hàng hoá.

**C.** tiền dùng làm phương tiện lưu thông.

**D.** tiền rút khỏi lưu thông và được cất trữ lại.

**Câu 12:** Tiền rút khỏi lưu thông và được cất trữ, khi cần đem ra mua hàng là thực hiện chức năng

**A.** tiền tệ thế giới. **B.** phương tiện cất trữ.

**C.** giao dịch quốc tế. **D.** phương tiện lưu thông.

**Câu 13:** Tiền tệ thực hiện chức năng phương tiện cất trữ khitiền

**A.** thúc đẩy quá trình mua bán hàng hóa. **B.** dùng để đo lường và biểu hiện giá trị của hàng hóa.

**C.** rút khỏi lưu thông và đi vào cất trữ. **D.** dùng để chi trả sau khi giao dịch mua bán.

**Câu 14:** Thị trường cung cấp những thông tin, quy mô cung cầu, chất lượng, cơ cấu, chủng loại hàng hóa, điều kiện mua bán là thể hiện chức năng nào dưới đây của thị trường?

**A.** Thông tin. **B.** Thừa nhận giá trị và giá trị sử dụng.

**C.** Điều tiết sản xuất. **D.** Mã hóa.

**Câu 15:** Lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hoá, dịch vụ được gọi là

 **A.** chợ. **B.** sàn giao dịch.

**C.** thị trường. **D.** thị trường chứng khoán.

**Câu 16**: Thị trường giúp người tiêu dùng điều chỉnh việc mua sao cho có lợi nhất là thể hiện chức năng nào sau đây?

**A**. Tiền tệ thế giới. **B**. Phương tiện cất trữ.

**C**. Cung cấp thông tin. **D**. Thúc đẩy độc quyền.

**Câu 17:** Theo yêu cầu của quy luật giá trị, việc sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở thời gian lao động

 **A.** tập thể cần thiết. **B.**  cá biệt cần thiết.

 **C.**  xã hội cần thiết. **D.**  hao phí tập thể cần thiết.

**Câu 18:** Theo yêu cầu của quy luật giá trị, khi tiến hành sản xuất, người sản xuất phải đảm bảo thời gian lao động cá biệt phù hợp với thời gian

**A.** lao động tập thể cần thiết. **B.** lao động cá biệt cần thiết.

**C.** lao động xã hội cần thiết. **D.** hao phí tập thể cần thiết.

**Câu 19:** Trong quá trình sản xuất, việc người sản xuất phân phối lại các yếu tố của tư liệu sản xuất từ ngành sản xuất này sang ngành sản xuất khác là vận dụng tác động nào của quy luật giá trị?

**A.** Kích thích sản xuất phát triển. **B.** Điều tiết sản xuất hàng hóa.

**C.** Phân phối thành quả lao động. **D.** Thúc đẩy lao động cá biệt tăng.

**Câu 20:** Trong quá trình sản xuất, việc người sản xuất phân phối lại sức lao động từ ngành sản xuất này sang ngành sản xuất khác là vận dụng tác động nào của quy luật giá trị?

**A.** Kích thích sản xuất phát triển. **B.** Điều tiết sản xuất hàng hóa.

**C.** Phân phối thành quả lao động. **D.** Thúc đẩy lao động cá biệt tăng.

**Câu 21:** Trong quá trình sản xuất, thông qua sự biến động của giá cả thị trường, người kinh doanh chuyển từ nơi có lãi ít sang bán ở nơi có lãi nhiều là vận dụng tác động nào của quy luật giá trị?

**A.** Kích thích sản xuất phát triển. **B.** Điều tiết lưu thông hàng hóa.

**C.** Phân phối thành quả lao động. **D.** Thúc đẩy lao động cá biệt tăng.

**Câu 22:** Trong quá trình sản xuất, người sản xuất kinh doanh không ngừng cải tiến kỹ thuật, nâng cao tay nghề người lao động để giá trị cá biệt của mình thấp hơn giá trị xã hội là đã vận dụng tốt tác động nào của quy luật giá trị?

**A.** Kích thích lực lượng sản xuất phát triển. **B.** Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa.

**C.** Phân phối các yếu tố tư liệu lao động. **D.** Thúc đẩy thời gian lao động cá biệt tăng.

**Câu 23:** Trong quá trình sản xuất, những người sản xuất do điều kiện sản xuất không thuận lợi kinh doanh kém, nên bị thua lỗ, phá sản, hiện tượng này phản ánh sự tác động nào của quy luật giá trị?

**A.** Kích thích lực lượng sản xuất phát triển. **B.** Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa.

**C.** Phân phối các yếu tố tư liệu lao động. **D.** Phân hóa giàu nghèo giữa người sản xuất.

**Câu 24:** Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa,nội dung nào dưới đây **không** thể hiện mặt tích cực của cạnh tranh?

**A.** Sử dụng những thủ đoạn phi pháp. **B.** Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**C.**  Giành nguồn nguyên nhiên vật liệu. **D.** Hạ giá thành sản phẩm.

**Câu 25:** Sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận là nội dung của khái niệm

 **A.** lợi tức. **B.** tranh giành. **C.** cạnh tranh. **D.** đấu tranh.

**Câu 26:** Kích thích lực lượng sản xuất, khoa học kĩ thuật phát triển và năng suất lao động xã hội tăng lên là biểu hiện của nội dung nào dưới đây của cạnh tranh kinh tế?

**A.** Mặt hạn chế của cạnh tranh. **B.** Nguyên nhân của cạnh tranh.

**C.** Mặt tích cực của cạnh tranh. **D.** Mục đích của cạnh tranh.

**Câu 27:**Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa xuất phát từ

**A.** Sự tồn tại nhiều chủ sở hữu. **B.** Sự gia tăng sản xuất hàng hóa.

**C.** Nguồn lao động dồi dào trong xã hội. **D**. Sự thay đổi cung-cầu.

**Câu 28:** Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa,nội dung nào dưới đây **không** thể hiện mặt tích cực của cạnh tranh?

**A.** Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước.

**B.** Khai thác tài nguyên làm cho môi trường suy thoái.

**C.** Kích thích lực lượng sản suất, khoa học kĩ thuật phát triển.

**D.** Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nâng cao năng lực cạnh tranh.

**Câu 29:** Khối lượng hàng hoá, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kì nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất xác định là

**A.** cầu. **B.** tổng cầu.

**C.** tổng cung. **D.** cung.

**Câu 30:** Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, cầu là khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kì xác định tương ứng với giá cả và

**A.** khả năng xác định. **B.** sản xuất xác định.

**C.** nhu cầu xác định. **D.** thu nhập xác định.

**Câu 31:** Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi cung lớn hơn cầu hoặc cung nhỏ hơn cầu đều ảnh hưởng

**A.** đến giá cả thị trường. **B.** đến lưu thông hàng hoá.

**C.** đến quy mô thị trường. **D.** tiêu cực đến người tiêu dùng.

**Câu 32:** Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi trên thị trường giá cả giảm thì xảy ra trường hợp nào sau đây?

**A.** Cung tăng, cầu giảm. **B.** Cung giảm, cầu tăng.

**C.** Cung và cầu giảm. **D.** Cung và cầu tăng.

**Câu 33:** Thực chất của quan hệ cung – cầu là mối quan hệ giữa các chủ thể nào dưới đây?

**A.** Nhà nước với doanh nghiệp **B.** Người sản xuất với người tiêu dùng

**C.** Người kinh doanh với Nhà nước **D.** Doanh nghiệp với doanh nghiệp

**Câu 34:** Khi cầu giảm dẫn đến sản xuất thu hẹp làm cho cung giảm là nội dung của biểu hiện nào trong quan hệ cung - cầu?

**A.** Giá cả ảnh hưởng đến cung, cầu. B. Cung, cầu tác động lẫn nhau.

**C.** Cung, cầu ảnh hưởng đến giá cả. **D.** Thị trường chi phối cung, cầu.

**Câu 35:** Thông qua pháp luật, chính sách nhằm cân đối lại cung – cầu là sự vận dụng quan hệ cung cầu của chủ thể nào sau đây?

**A.** Nhà nước. **B.** Người kinh doanh.

**C.** Người tiêu dùng. **D.**  Người sản xuất.

**Câu 36:** Khi nhu cầu của người tiêu dùng về mặt hàng nào đó tăng cao thì người sản xuất sẽ làm theo phương án nào dưới đây?

**A.** Giữ nguyên quy mô sản xuất **B.** Tái cơ cấu sản xuất

**C.** Mở rộng sản xuất **D.** Thu hẹp sản xuất

**Câu 37:** Quá trình lao động sản xuất là sự kết hợp giữa

**A.** tư liệu lao động và đối tượng lao động. **B.** sức lao động và đối tượng lao động.

**C.** sức lao động và tư liệu sản xuất. **D.** sức lao động và tư liệu lao động.

**Câu 38:** Xét đến cùng, sự vận động và phát triển của toàn bộ mọi mặt đời sống xã hội là do

**A.** nhà nước chi phối. **B.** nhu cầu của con người quyết định.

**C.** sản xuất vật chất quyết định. **D.** con người quyết định.

**Câu 39:** Loại có sẵn trong tự nhiên như quặng trong lòng đất, tôm cá dưới sông biển là

**A.** đối tượng lao động. **B.** tư liệu lao động.

**C.** phương tiện lao động. **D.** công cụ lao động.

**Câu 40:** Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất gồm

**A.** sức lao động, đối tượng lao động,tư liệu lao động.

**B.** sức lao động, đối tượng lao động,công cụ lao động.

**C.** sức lao động, công cụ lao động,tư liệu lao động.

**D.** sức lao động, tư liệu lao động,công cụ sản xuất.

**Câu 41:** Doanh nghiệp H kinh doanh mở rộng qui mô sản xuất góp phần giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động, giảm tỉ lệ người thất nghiệp. Việc làm của doanh nghiệp H thể hiện vai trò của phát triển kinh tế đối với

 **A.** gia đình. **B.** xã hội. **C.** tập thể. **D.** cộng đồng.

**Câu 42:** Doanh nghiệp A được cấp giấy phép khai thác cát, sỏi phục vụ cho các công trình xây dựng tại địa phương X. Ngoài ra doanh nghiệp còn được giao nhiệm vụ nâng cấp hệ thống đê bao chống lũ. Việc khai thác cát, sỏi của công ty A là đề cập đến loại đối tượng lao động nào dưới đây?

**A.** Có sẵn trong tự nhiên. **B.** Trải qua tác động lao động.

**C.** Củng cố tay nghề lao động. **D.** Lao động sáng tạo.

**Câu 43:** Công ty A thường xuyên đổi mới kỹ thuật, trang thiết bị máy móc mới hiện đại vào quá trình sản xuất làm cho năng xuất và chất lượng sản phẩm ngày càng tăng cao. Việc làm của công ty A đã tập trung vào cải tiến yếu tố nào dưới đây của quá trình sản xuất?

**A.** Quy trình quản lí. **B.** Đối tượng lao động.

**C.** Tư liệu lao động. **D.** Đào tạo nguồn nhân lực.

**Câu 44:** Vợ chồng chị C đã trả cho công ty M 800 triệu đồng để mua một căn hộ trong khu đô thị Y. Trong trường hợp này, chức năng nào dưới đây của tiền tệ đã được thực hiện?

**A.** Thước đo giá trị. **B.** Phương tiện lưu thông.

**C.** Phương tiện cất trữ. **D.** Phương tiện thanh toán.

**Câu 45:** Chị H nuôi bò để bán lấy tiền rồi dùng tiền để mua xe máy. Vậy tiền đó thực hiện chức năng nào sau đây?

**A.** Phương tiện lưu thông. **B.** Thước đo giá trị.

**C.** Phương tiện cất trữ. **D.** Phương tiện thanh toán.

**Câu 46:** Gia đình anh A, sau vụ mùa để dành được 150 triệu đồng bỏ vào két sắt để khi cần thì dùng là thể hiện chức năng nào dưới đây của tiền tệ?

**A.** Phương tiện thanh toán. **B.** Phương tiện lưu thông.

**C.** Phương tiện cất trữ. **D.** Thước đo giá trị.

**Câu 47:** Hai bạn D và L đến siêu thị để mua hàng, tại đây các bạn thấy bất kỳ hàng hóa nào cũng được in giá lên bao bì sản phẩm như: 4.500đ/ hộp sữa, 8000đ/1 cuốn vở, 30.000đ/1 suất cơm. Việc in giá công khai như vậy là biểu hiện chức năng nào của tiền tệ?

**A.**  cất trữ **B.**  thanh toán.

**C.** Thước đo giá trị **D.**  lưu thông.

**Câu 48:** Khi thấy mức tiêu thụ rau mầm sạch của người tiêu dùng ngày càng lớn, anh K chủ trang trại X đã chuyển đổi mô hình từ trồng rau giống sang trồng rau mầm sạch để cung ứng ra thị trường. Anh K đã vận dụng tác động nào dưới đây của quy luật giá trị?

**A.** Thay đổi quy trình tiêu dùng. **B.** Hoàn thiện kết cấu hạ tầng sản xuất.

**C.** Điều tiết sản xuất, lưu thông hàng hóa. **D.** Thiết lập quá trình lưu thông hàng hóa

**Câu 49:** Ông H làm giám đốc doanh nghiệp điện tử, vừa qua ông nghe nói điện thoại smartphone của hãng S đang bị lỗi sản phẩm, ông ngừng ngay nhập các sản phẩm của hãng. Ông đã thực hiện chức năng cơ bản nào của thị trường?

**A.**  điều tiết, kích thích. **B.**  thông tin**.**

**C.**  thực hiện. **D.** hạn chế sản xuất.

**Câu 50:** Bác B nuôi được 20 con gà. Bác để ăn 3 con, cho con gái 2 con. Số còn lại bác mang bán. Hỏi số gà của bác B có bao nhiêu con gà là hàng hóa?

 **A.** 20 con. **B.** 5 con **C.** 3 con. **D.** 15 con.

**Câu 51:** Nhóm A sản xuất được 5 triệu mét vải với thời gian lao động cá biệt là 1 giờ/m vải. Nhóm B sản xuất được 10 triệu mét vải với thời gian lao động cá biệt là 2 giờ/m vải. Nhóm C sản xuất được 80 triệu mét vải với thời gian lao động cá biệt là 1.5 giờ/m vải. Vậy thời gian lao động xã hội để sản xuất ra vải trên thị trường là

 **A.** 1giờ. **B.** 2giờ **C.** 1.5giờ. **D.** 2.5giờ

**Câu 52:** Để may một cái áo, anh A phải mất thời gian lao động cá biệt là 2h, trong khi đó thời gian lao động xã hội cần thiết là 1,5h. Trong trường hợp này, việc sản xuất của anh A sẽ

**A.** Hòa vốn. **B.** Thu được lợi nhu.

**C.** Lỗ vốn. **D.** Có thể bù đắp được chi phí.

**Câu 53:** Để may một cái áo, chị H phải mất 6 giờ lao động. Thời gian lao động xã hội cần thiết để may một cái áo là 5 giờ lao động. Vậy chị H có thể bán chiếc áo với giá cả tương ứng mấy giờ lao động ?

 **A.** 5 giờ**.** **B.** 6 giờ. **C.** 8 giờ. **D.** 7 giờ.

**Câu 54:** Anh A trồng rau ở khu vực vùng nông thôn nên anh mang rau vào khu vực thành phố để bán vì giá cả ở đó cao hơn. Vậy việc làm của anh A chịu tác động nào dưới đây của quy luật giá trị?

**A.** Điều tiết sản xuất. **B.** Điều tiết lưu thông.

**C.** Tỷ suất lợi nhuận cao của quy luật giá trị. **D.** Tự phát từ quy luật giá trị.

**Câu 55:** Chị A buồn bã vì giá dưa hấu năm nay bị rớt thảm hại, chị quyết định mùa sau sẽ không đầu tư vào cây dưa hấu nữa mà chuyển đổi sang một loại cây trồng khác phù hợp hơn. Trường hợp này, chị A đã vận dụng tác động của quy luật nào dưới đây để điều tiết quá trình sản xuất?

**A.** Quy luật giá trị. . **B.** Quy luật thị trường.

**C.** Quy luật giá cả. **D.** Quy luật cạnh tranh.

**Câu 56:** Anh D bán mặt hàng vải, nhưng khi trên thị trường mặt hàng vải bán quá chậm trong khi mặt hàng may sẵn lại bán nhanh hơn và giá cao, để không bị ứ đọng vốn và thu được lợi nhuận, anh A đã quyết định chuyển đổi từ kinh doanh mặt hàng vải sang kinh doanh mặt hàng quần áo may sẵn. Anh A đã vận dụng tác động nào sau đây của quy luật giá trị?

**A.** Điều tiết lưu thông. **B.** Điều tiết sản xuất

**C.** Kích thích lực lượng sản xuất **D.** Phân hóa giàu nghèo

**Câu 57:** Vì quán cà phê của mình khách ít trong khi quán đối diện của nhà anh H khách lại rất đông nên anh K đã thuê kẻ xấu ngày nào cũng quậy phá quán của anh H. Xét về mặt bản chất kinh tế, việc làm trên là biểu hiện của hình thức

**A.** cạnh tranh lành mạnh. **B.** chiêu thức trong kinh doanh.

**C.** cạnh tranh tiêu cực. **D.** cạnh tranh không lành mạnh.

**Câu 58:** Mạng di động A khuyến mãi giảm 50% giá trị thẻ nạp, một tuần sau mạng B và C cũng đưa ra chương trình khuyến mãi tương tự. Hiện tượng này phản ánh quy luật nào dưới đây của thị trường?

**A.**  lưu thông tiền tệ **B.**  cung cầu

**C.**  cạnh tranh **D.**  giá trị

**Câu 59:** Công ty Hoàng Long chuyên sản xuất đồ gốm, hiện công ty đang bày bán 1200 sản phẩm ở cửa hàng, 700 sản phẩm đang ở trong kho. Cung về mặt hàng gốm của công ty Hoàng Long là

**A.** 700 sản phẩm **B.** 1200 sản phẩm

**C.** 1900 sản phẩm **D.** 3100 sản phẩm

**Câu 60:** Vào đầu mỗi năm học mới, nhu cầu văn phòng phẩm của học sinh tăng, các nhà sản xuất đã đẩy mạnh sản xuất. Xét về quan hệ cung cầu thì nhà sản xuất đã vận dụng nội dung nào dưới đây?

**A.** Cung - cầu tác động lẫn nhau.

**B.** Cung - cầu ảnh hưởng tới giá cả thị trường.

**C.** Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung - cầu.

**D.** Cung - cầu triệt tiêu lẫn nhau.

**Câu 61:** Nhân dịp lễ 30/4 các công ty lữ hành giảm giá, Giám đốc ngân hàng A đã cho toàn thể nhân viên dưới quyền nghỉ để đi du lịch. Giám đốc A đã vận dụng nội dung nào dưới đây của quan hệ cung – cầu?

**A.** Giá cả độc lập với cầu. **B.** Giá cả tăng thì cầu giảm.

**C.** Giá cả ngang bằng giá trị. **D.** Giá cả giảm thì cầu tăng.

**Câu 62:** Nhờ sự gia tăng nhanh chóng của việc sử dụng Internet, người tiêu dùng Việt Nam ngày càng cóxu hướng mua hàng qua mạng nhiều hơn. Chính vì vậy, các Website thương mại điện tử như Lazada, Tiki, Shopee, Sendo và các trang mạng xã hội như Facebook, Zalo, Viber... đang bùng nổ trong những năm gần đây. Việc tiêu dùng qua mạng gia tăng và sự phát triển của các Website điện tử đã thể hiện nội dung nào dưới đây của quan hệ cung - cầu?

**A.** Cung -cầu ảnh hưởng tới giá cả thị trường.

**B.** Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung-cầu.

**C.** Cung - cầu tác động lẫn nhau.

**D.** Cung -cầu độc lập với nhau.

**Câu 63:** Doanh nghiệp A đặt chỉ tiêu trong quý I sản xuất ra 30 000 sản phẩm, tuy nhiên theo báo cáo kinh doanh, hết quý công ty mới đưa ra thị trường được 18 000 sản phẩm, đã sản xuất và lưu trong kho chuẩn bị đưa ra 7000 sản phẩm, nguyên vật liệu còn lại để sản xuất trong quý chỉ đủ 2000 sản phẩm. Trong trường hợp này cung hàng hóa sẽ là bao nhiêu

 **A.** 25.000. **B.** 9000. **C.** 20.000. **D.** 27.000

**Câu 64:** Để khôi phục sản xuất sau khi dịch bệnh lắng xuống, công ty A lên kế hoạch về việc nhập nguyên liệu như sắt thép, nguyên vật liệu như ..Những nguyên vật liệu đầu vào mà công ty nhập là đề cập đến yếu tố nào dưới đây của quá trình sản xuất

**A.** Công cụ lao động. **B.** Đối tượng lao động

**C.** Hệ thống bình chứa. **D.** Kết cấu hạ tầng.

**Câu 65:** Các công ty A, B, C và D cùng sản xuất bột giặt và cung cấp cho thị trường trong nước. Công ty A chú trọng vào đổi mới hệ thống bao bì, công ty B chú trọng đổi mới xe vận chuyển hàng hóa cho các đại lý, công ty C chú trọng vào đào tạo nguồn nhân lực. Công ty D chú trọng vào đổi mới máy móc và dây chuyền sản xuất. Việc công ty C làm đã chú trọng vào yếu tố nào dưới đây của quá trình sản xuất?

**A.** tư duy sáng tạo. **B.** hệ thống bình chứa.

**C.** kết cấu hạ tầng. **D.** Sức lao động.

**Câu 66:** “Con trâu đi trước, cái cày theo sau” là nói đến yếu tố nào dưới đây trong quá trình lao động?

**A.** Tư liệu lao động. **B.** Đối tượng lao động.

**C.** Nguyên liệu lao động. **D.** Sức lao động.

**Câu 67:** Gia đình bạn H (học sinh lớp 11) có nghề mây tre đan thủ công mỹ nghệ nổi tiếng trong vùng. Sau giờ học H rủ các bạn cùng lớp đến để làm kiếm thêm thu nhập mua sách vở, tài liệu phục vụ cho việc học tập. Việc làm của H và các bạn là đề cập đến ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với?

 **A.** Xã hội. **B.** Tập thể. **C.** Khu vực. **D.** Cá nhân.

**Câu 68:** Công ty A thường xuyên đổi mới kỹ thuật, trang thiết bị máy móc mới hiện đại vào quá trình sản xuất làm cho năng xuất và chất lượng sản phẩm ngày càng tăng cao. Việc làm của công ty A đã tập trung vào cải tiến yếu tố nào dưới đây của quá trình sản xuất?

**A.** Quy trình quản lí. **B.** Đối tượng lao động.

**C.** Tư liệu lao động. **D.** Đào tạo nguồn nhân lực.

**Câu 69:** Than đá lúc đầu chỉ dùng làm chất đốt, sau đó nhờ khoa học kỹ thuật phát triển nên than còn được chế làm chất lọc nước, mặt nạ phòng độc hoặc chất tẩy trắng. Sự phát triển của khoa học kỹ thuật đã làm cho thuộc tính nào của than trở nên phong phú?

**A.** Giá trị. **B.** Giá trị cá biệt.

**C.** Giá trị trao đổi. **D.** Giá trị sử dụng.

**Câu 70:** Chị H vừa mua chiếc áo khoác da và liền khoe với bạn mình nó có chất liệu da bền, màu sắc đẹp phù hợp với lứa tuổi, chắc người tạo ra nó có tính thẩm mỹ cao. Vậy nhận xét của chị H về chiếc áo trên của mình đã thể hiện thuộc tính của hàng hoá nào sau đây?

 **A.** Giá trị. **B.** Lượng giá trị. **C.** Giá trị sử dụng. **D.** Giá cả.